

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Mạng lưới cơ sở giết mổ động vật tập trung tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 kèm theo Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2915/TTr-SNN ngày 24 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Mạng lưới cơ sở giết mổ động vật tập trung tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 kèm theo Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Sửa đổi bổ sung Mục V như sau:

“V. NỘI DUNG MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIẾT MỔ

1. Đưa ra khỏi Mạng lưới 05 cơ sở giết mổ động vật gồm: Long Thành 02 cơ sở (xã Cẩm Đường và xã Tân Hiệp), Trảng Bom 01 cơ sở (Tám Sao, xã An Viên), Cẩm Mỹ 01 cơ sở (Công ty TNHH Chăn nuôi Lan Chi, xã Lâm San), Vĩnh Cửu 01 cơ sở (xã Tân An).

2. Bổ sung 03 cơ sở giết mổ động vật vào Mạng lưới gồm: Định Quán 01 cơ sở (Đỗ Văn Bắc, xã Phú Tân), Cẩm Mỹ 01 cơ sở (HTX Chăn nuôi gà Tâm Việt, xã Lâm San), Xuân Lộc 01 cơ sở (Vũ Yến Food, xã Xuân Bắc).

3. Điều chỉnh địa điểm cơ sở giết mổ tại xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất.

4. Tổng số cơ sở giết mổ trong Mạng lưới cơ sở giết mổ động vật tập trung tỉnh Đồng Nai là 56 cơ sở (Phụ lục kèm theo).

5. Lộ trình thực hiện

a) Từ năm 2024 đến năm 2027: Xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động 05 cơ sở (Trảng Bom: 04 cơ sở; Xuân Lộc: 01 cơ sở).

b) Đến năm 2028: Xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động 03 cơ sở (Trảng Bom: 02 cơ sở; Thống Nhất: 01 cơ sở).

c) Đến năm 2029: Xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động 03 cơ sở (Trảng Bom: 02 cơ sở; Định Quán: 01 cơ sở).

d) Đến năm 2030: Xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động 02 cơ sở (Trảng Bom: 01 cơ sở; Cẩm Mỹ: 01 cơ sở).”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 1 Mục VI như sau:

“a) Hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động tất cả các cơ sở giết mổ động vật tập trung trước ngày 31 tháng 12 năm 2030.

b) Các điểm giết mổ động vật không thuộc mạng lưới phải ngừng hoạt động giết mổ hoặc di dời đến địa điểm phù hợp trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1; điểm i, l khoản 15 Mục VII như sau:

“1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

c) Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện mạng lưới cơ sở giết mổ hàng năm và giai đoạn 2021-2030.

15. Ủy ban nhân dân cấp huyện

i) Hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động tất cả các cơ sở giết mổ động vật tập trung trước ngày 31 tháng 12 năm 2030.

l) Các điểm giết mổ động vật không thuộc mạng lưới phải ngừng hoạt động giết mổ hoặc di dời đến địa điểm phù hợp trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung khác tại Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Mạng lưới cơ sở giết mổ động vật tập trung tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Lao động-Thương binh và Xã hội; Công an tỉnh, Cục Quản lý thị trường tỉnh, Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Q. Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/Qdmangluoigmo/3.7-367)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Phi





DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ TRONG MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIẾT MỒ ĐỘNG VẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 09/17/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Phụ lục

| Stt | Địa điểm | | Tên cơ sở giết mổ | Tổng diện tích; số tờ, số thửa; tình trạng quy hoạch sử dụng đất | Ghi chú |
|-----|----------------|----------------|------------------------------------|--|------------------------|
| | Huyện/TP | Xã | | | |
| 1 | | Xã Xuân Trường | Nguyễn Thị Yên | Số tờ 22; các thửa số 27, 210, 211; diện tích 3.478 m ² . Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | Đã xây dựng |
| | | Xã Bảo Hòa | Hòa Hợp | Số tờ 04; thửa số 31; diện tích 8.029,5 m ² . Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | Đã xây dựng |
| | | Xã Xuân Thọ | Hưng Thuận | Số tờ 85; thửa số 59; diện tích 5.831,6 m ² . Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | Đã xây dựng |
| 3 | Xuân Lộc (05) | Xã Xuân Tâm | Đồng Triền | Số tờ 95; các thửa số 38, 39; diện tích 7.688,8m ² . Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | Đã xây dựng |
| | | Xuân Bắc | Vũ Yên Food | Số tờ 19, thuộc một phần thửa đất số 34; diện tích 02 ha. Quy hoạch chức năng đất nông nghiệp khác và đất sản xuất kinh doanh. | Bổ sung, chưa xây dựng |
| 5 | | Xã Sông Thao | Thuận Trường | Số tờ 30; các thửa số 378, 379, 380; diện tích 14.017,3 m ² . Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | Đã xây dựng |
| 7 | Trảng Bom (17) | Xã Trung Hòa | Công ty Cổ phần GreenFeed Việt Nam | Số tờ 02; thửa số 26; diện tích 56.468,8 m ² . Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | Đã xây dựng |
| | | Xã Hồ Nai 3 | Hoàng Thị Hiền | Số tờ 04; các thửa số 374, 332, 152; diện tích 4.117,5 m ² . Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | Đã xây dựng |
| 9 | | Xã Hồ Nai 3 | Nguyễn Thị Hằng | Số tờ 04; thửa số 162; diện tích 4.713,3m ² . Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | Đã xây dựng |

| | | | | |
|----|---------------|--|--|---------------|
| 10 | Xã Hố Nai 3 | Ngô Văn Tú | Số tờ 04; các thửa số 151, 159, 189; diện tích 9.527,4 m ² . Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | Đã xây dựng |
| 11 | Xã Hố Nai 3 | Hoàng Văn Tham | Số tờ 04; các thửa số 161, 281; diện tích 2.905,2 m ² . Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | Đã xây dựng |
| 12 | Xã Hố Nai 3 | Liên Hiệp Tân Tài | Số tờ 07; thửa số 132; diện tích 12.086m ² . Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | Chưa xây dựng |
| 13 | Xã Bình Minh | Công ty Vạn Kiến Đạt (Huỳnh Thị Ngọc Tiên) | Số tờ 12; các thửa số 402, 403, 366; diện tích 24.885,3 m ² . Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | Đã xây dựng |
| 14 | Xã Sông Thao | Nguyễn Bá Thành | Số tờ 34; các thửa số 122, 124, 126, 127; diện tích 25.696,3 m ² . Quy hoạch sử dụng đất là cây lâu năm và đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm, vật liệu san lấp. | Đã xây dựng |
| 15 | Xã Cây Gáo | Công ty Sing Mark | Thửa đất số 2, 5, 6, 7, 8, 9, 36, 37, 38, 40, 41, 42, 43, 44 (thửa đất số 506 tờ bản đồ số 3 cũ), 45, 47, 48, 49, 50, 51, 52 tờ bản đồ số 17; tổng diện tích 34.408,6 m ² | Chưa xây dựng |
| 16 | Xã Hố Nai 3 | Công ty Hoàng Phúc Hiền | Thửa đất số 28, 47, 48, 49, 50 tờ bản đồ số 15; thửa đất số 70 tờ bản đồ số 14 | Chưa xây dựng |
| 17 | Xã Hưng Thịnh | Công ty Đại Hùng Phát | Thửa đất số 6, 7, 8, 10, 38, 39, 44, 52 tờ bản đồ số 23 | Chưa xây dựng |
| 18 | Xã Sông Trầu | Công ty Bình Minh | Thửa đất số 296 tờ bản đồ số 34 | Chưa xây dựng |



| | | | | |
|----|--------------|-------------------|---|-----------------------------------|
| 19 | Xã Bắc Sơn | Nguyễn Thanh Minh | Một phần thửa đất số 3, 4, 7, 8 tờ bản đồ số 6 | Chưa xây dựng |
| 20 | | Xã Hồ Nai 3 | | |
| 21 | Xã Hồ Nai 3 | Trịnh Thị Yến | Thửa đất 01, 03 tờ bản đồ số 44; thửa số 01 tờ bản đồ số 43 | Đang hoạt động tạm, chưa xây dựng |
| 22 | | Xã Hồ Nai 3 | | |
| 23 | Xã Bầu Hàm 2 | Bầu Hàm 2 | Số tờ 01; thửa số 75; diện tích 4.847m ² . Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Đã xây dựng |
| 24 | Xã Gia Tân 2 | Nguyễn Thị Thanh | Số tờ 06; Một phần thửa 520, 534 và thửa 600; diện tích 3.622,5m ² . Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Đã xây dựng |
| 25 | | Xã Lộ 25 | | |
| 26 | Xã Gia Tân 3 | Thiên Ân | Số tờ 27; thửa 45; diện tích 4.743,4m ² (Đất giao thông 329,9m ² ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 4.413,5m ²) | Đã xây dựng |
| 27 | | Xã Gia Kiệm | | |
| 28 | Xã Hưng Lộc | Tú Loan | Số tờ 26; thửa số 09; diện tích 8.421,4m ² . Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Đã xây dựng |

| | | | | |
|----|-----------------|-------------------------------------|---|---|
| 29 | Xã Quang Trung | Cơ sở Hoa Lan | Số tờ 16; thửa số 215; diện tích 1.094m ² (Đất giao thông 188,7m ² ; đất trồng cây lâu năm 905,3m ²); Đã cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025, mục đích sử dụng đất SKC | Đã xây dựng |
| 30 | Xã Gia Tân 2 | Cơ sở giết mổ đại gia súc Gia Tân 2 | Số tờ 06; thửa số 846; diện tích 5.741 m ² ; mục đích sử dụng: đất trồng lúa nước; quy hoạch sử dụng đất năm 2030 là đất trồng cây hàng năm khác. | Điều chỉnh địa điểm từ tờ bản đồ số 14, thửa 536; chưa xây dựng |
| 31 | Xã Bàu Trâm | Thy Thọ | Số tờ 12; các thửa số 411, 478; diện tích 17.004,9m ² ; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Đã xây dựng |
| 32 | Long Khánh (03) | Xã Bàu Trâm | Số tờ 04; các thửa số 432, 433, 434, 102, 115 và 671; diện tích 7.346m ² ; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất giao thông | Đã xây dựng |
| 33 | Xã Bàu Trâm | Đoàn Thu | Số tờ 05; thửa số 259; diện tích 7.940m ² ; đã cập nhật vào đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung của thành phố trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt | Đã xây dựng |
| 34 | Xã Xuân Mỹ | Hoàng Cư | Số tờ 37, số thửa 39, diện tích 4.242m ² , đất quy hoạch cơ sở giết mổ | Đã xây dựng |
| 35 | Xã Sông Ray | Khang Thủy | Số tờ 22, số thửa 133, diện tích 4.206 m ² , quy hoạch cơ sở giết mổ | Đã xây dựng |
| 36 | Cầm Mỹ (05) | Xã Nhân Nghĩa | Số tờ 21, số thửa 110, diện tích 1.117m ² , quy hoạch cơ sở giết mổ | Đã xây dựng |
| 37 | Xã Xuân Quế | Nguyễn Ngọc Hùng | Số tờ 24; các thửa số 3, 39; diện tích 7.151m ² , quy hoạch cơ sở giết mổ | Đã xây dựng |
| 38 | Xã Lâm Sơn | Hợp tác xã chăn nuôi gà Tâm Việt | Số tờ 11, thửa đất số 190, diện tích 0,12 ha, quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. | Bổ sung, chưa xây dựng |

| | | | | | |
|----|-----------------|-----------------|---|---|-------------|
| 39 | Long Thành (01) | Xã Long An | Công ty TNHH Nhà máy giết mổ Phúc An Hưng | Số tờ 51; thửa số 123; diện tích 31.914,5m ² . Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Đã xây dựng |
| 40 | Tân Phú (05) | Xã Tà Lài | Trần Thị Nụ | Số tờ 18; thửa số 201; diện tích 2.226,5m ² . Đất quy hoạch giết mổ | Đã xây dựng |
| 41 | | Xã Phú Điền | Hồ Thị Bích Liên | Số tờ 16; các thửa số 77, 78, 79; diện tích 1.706,4m ² . Đất quy hoạch giết mổ | Đã xây dựng |
| 42 | Tân Phú (05) | Xã Phú Lâm | HTX Hiệp Nhất | Số tờ 35; các thửa số 288, 293, 41, 28, 43, 59, 60, 315; diện tích 18.493m ² . Đất quy hoạch giết mổ | Đã xây dựng |
| 43 | | Xã Nam Cát Tiên | Nguyễn Văn Toàn | Số tờ 11; thửa số 424; diện tích 1.000m ² . Tình trạng quy hoạch đất trồng cây lâu năm | Đã xây dựng |
| 44 | | Xã Phú Lộc | Trương Văn Ngọc | Số tờ 19; thửa số 27; diện tích 9.665m ² . Đất quy hoạch giết mổ | Đã xây dựng |
| 45 | Định Quán (05) | Xã La Ngà | Phạm Thị Hà | Số tờ 20, số thửa 18, diện tích 1.812,4m ² , đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) | Đã xây dựng |
| 46 | | Xã Suối Nho | Lý Huỳnh Anh | Số tờ 38, số thửa 79, diện tích 3.025m ² , đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) | Đã xây dựng |
| 47 | | Xã Thanh Sơn | Cao Thị Đức | Số tờ 48, số thửa 63, tổng diện tích 1.183m ² , đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (một phần diện tích thửa 25 tờ số 63 mới, diện tích 2.238m ²) | Đã xây dựng |
| 48 | | Xã Ngọc Định | Vân Trí | Số tờ 31, số thửa 152, tổng diện tích 51.453m ² , đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (một phần diện tích thửa 152, diện tích 9.970 m ²) | Đã xây dựng |

| | | | | | |
|----|--------------------|-----------------------|--|---|------------------------|
| 49 | | Xã Phú Tân | Đỗ Văn Bắc | Số tờ 42, thửa 379, diện tích 2.602 m ² , đất nông nghiệp khác | Bổ sung, chưa xây dựng |
| 50 | | Xã Thanh Phú | Anh Hoàng Thy | Số tờ 11; các thửa số 55, 99; diện tích khoảng 10.000m ² . Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Đã xây dựng |
| 51 | Vĩnh Cửu (03) | Xã Phú Lý | Hoàng Đức Văn | Số tờ 48, số thửa 01, diện tích 1.901 m ² . Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Đã xây dựng |
| 52 | | Thị Trấn Vĩnh An | Công ty TNHH MTV Hương Vĩnh Cửu | Số tờ 50; các thửa số 103, 249; diện tích khoảng 12.590m ² . Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Đã xây dựng |
| 53 | Nhơn Trạch (02) | Xã Vĩnh Thanh | Hoàng Thị Liêm | Số tờ 51; các thửa số 208, 210, 219, 186, 187, 250, 251; diện tích khoảng 6.000 m ² . Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Đã xây dựng |
| 54 | | Thị trấn Hiệp Phước | Phạm Hữu Yên | Số tờ 09; các thửa số 55, 56, 60; diện tích khoảng 6.900m ² . Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Đã xây dựng |
| 55 | Biên Hòa (02) | KCN Loteco, Long Bình | Công ty KOYU& UNITEK | KCN Loteco, Long Bình | Đã xây dựng |
| 56 | | Phường Long Bình | Công ty TNHH Thực phẩm Ngọc Việt Long Bình | Số tờ 48, số thửa 09, diện tích 42.653,5m ² , quy hoạch cơ sở giết mổ (216,6m ² đất nằm trong quy hoạch đất quốc phòng) | Đã xây dựng |